

TUẦN 34 :

Thứ hai ngày 29 tháng 04 năm 20...

Tiết 1: **Hoạt động tập thể**

Tiết 2: Đạo đức

(Giáo viên chuyên soạn)

Tiết 3+4: Tiếng việt:

VIẾT ĐÚNG CHÍNH TẢ NGUYÊN ÂM ĐÔI UÔ

(Thiết kế Tiếng Việt 1 - Tài liệu thí điểm)

Thứ ba ngày 30 tháng 04 năm 20...

Tiết 1+2: Tiếng việt

VIẾT ĐÚNG NGUYÊN ÂM ĐÔI IÊ
(Thiết kế Tiếng Việt 1 - Tài liệu thí điểm)

Tiết 3: Toán (T133)

ÔN TẬP: CÁC SỐ ĐẾN 100

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100; biết viết số liền trước, liền sau của một số; biết cộng, trừ số có hai chữ số.

2. Kỹ năng:

- Áp dụng vào giải được các bài toán.

3. Giáo dục:

- Giáo dục hs tính cẩn thận, chính xác trong học toán

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bảng phụ

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở viết, bộ đồ dùng học toán

III. DỰ KIẾN HÌNH THỨC DẠY HỌC:

- Cá nhân, nhóm, lớp

iv. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. ổn định lớp: B. Bài cũ. - Gọi học sinh chữa bài tập số 4 trên bảng lớp - GV nhận xét – ghi điểm	- Nêu cách đặt tính, cách tính và thực hiện các phép tính của bài tập số 4.

<p>C. Bài mới.</p> <p>1. Giới thiệu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài trực tiếp <p>2. Luyện tập:</p> <p style="text-align: center;">Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu yêu cầu của bài. - GV yêu cầu HS viết vào bảng con theo giáo viên đọc. Sau khi viết xong cho các em đọc lại các số đã được viết. <p style="text-align: center;">Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Cho học sinh thực hành ở VBT rồi đọc cho lớp cùng nghe. <p style="text-align: center;">Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Cho học sinh thực hành làm bài và chữa bài trên bảng lớp. <p style="text-align: center;">Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Cho học sinh nêu lại cách đặt tính, cách tính và thực hiện bài tập. <p style="text-align: center;">Bài 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc bài toán, nêu tóm tắt bài và giải. <p>D. Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dặn dò hs làm bài - Xem trước bài luyện tập 	<p>* Viết các số:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ba mươi tám (38), hai mươi tám (28), ..., bảy mươi bảy (77) <p>* Viết số thích hợp vào ô trống:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Số liền trước</th> <th>Số đã biết</th> <th>Số liền sau</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>18</td> <td>19</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>54</td> <td>55</td> <td>56</td> </tr> <tr> <td>29</td> <td>30</td> <td>31</td> </tr> <tr> <td>77</td> <td>78</td> <td>79</td> </tr> <tr> <td>43</td> <td>44</td> <td>45</td> </tr> <tr> <td>98</td> <td>99</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Học sinh khoanh số bé nhất trong các số : 59, 34, 76, 28 là 28</p> <p>- Học sinh khoanh số lớn nhất trong các số : 66, 39, 54, 58 là 66</p> <p>* Đặt tính rồi tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các số cùng hàng được đặt thẳng cột với nhau, thực hiện từ phải sang trái <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: right;">-</td> <td style="text-align: right;">68</td> <td style="text-align: right;">52</td> <td style="text-align: right;">35</td> </tr> <tr> <td></td> <td style="text-align: right;"><u>31</u></td> <td style="text-align: right;">+ <u>37</u></td> <td style="text-align: right;">+ <u>42</u></td> </tr> <tr> <td></td> <td style="text-align: right;">37</td> <td style="text-align: right;">89</td> <td style="text-align: right;">77</td> </tr> </table> <p>Tóm tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành có : 12 máy bay - Tâm có : 14 máy bay - Tất cả có : máy bay? <p style="text-align: center;">Bài giải:</p> <p>Số máy bay cả hai bạn gấp được là: $12 + 14 = 26$ (máy bay) Đáp số : 26 máy bay</p>	Số liền trước	Số đã biết	Số liền sau	18	19	20	54	55	56	29	30	31	77	78	79	43	44	45	98	99	100	-	68	52	35		<u>31</u>	+ <u>37</u>	+ <u>42</u>		37	89	77
Số liền trước	Số đã biết	Số liền sau																																
18	19	20																																
54	55	56																																
29	30	31																																
77	78	79																																
43	44	45																																
98	99	100																																
-	68	52	35																															
	<u>31</u>	+ <u>37</u>	+ <u>42</u>																															
	37	89	77																															

- Nhận xét lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY

Tiết 4: Mĩ thuật

(Giáo viên chuyên soạn)

Thứ tư ngày 01 tháng 05 năm 20...

Tiết 1: Toán (T134)

ÔN TẬP: CÁC SỐ ĐẾN 100

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Thực hiện được cộng, trừ số có hai chữ số

2. Kỹ năng:

- Xem giờ đúng; giải được bài toán có lời văn.

3. Giáo dục:

- Giáo dục hs tính cẩn thận, chính xác trong học toán

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở viết, bộ đồ dùng học toán

III. DỰ KIẾN HÌNH THỨC DẠY HỌC:

- Cá nhân, nhóm, lớp

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>A. Ôn định lớp: - Cho lớp hát.</p> <p>B. Kiểm tra bài cũ: - Gọi học sinh chữa bài tập số 5 trên bảng lớp</p> <p>- GV nhận xét – ghi điểm</p> <p>C. Bài mới.</p>	<p>- Hoạt động cá nhân</p> <p>Bài giải: Số máy bay cả hai bạn gấp được là: $12 + 14 = 26$ (máy bay) Đáp số : 26 máy bay</p>

<p>1. Giới thiệu bài: - Giới thiệu bài trực tiếp</p> <p>2. Luyện tập</p> <p>Bài 1: - Học sinh nêu yêu cầu của bài. - GV tổ chức cho các em thi đua nêu phép tính và kết quả nối tiếp theo dãy bàn.</p> <p>Bài 2: - Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Cho học sinh nêu cách tính và thực hành ở VBT và chữa bài trên bảng lớp.</p> <p>Bài 3: - Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Gọi học sinh nêu cách đặt tính và cách tính rồi cho thực hiện ở bảng con theo từng bài tập.</p> <p>Bài 4: - Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Cho học sinh đọc đề toán, tự nêu tóm tắt và giải.</p> <p>Bài 5: - Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Tổ chức cho các em thi đua quay kim ngắn (để nguyên vị trí kim dài) chỉ số giờ đúng để hỏi các em.</p> <p>D.Củng cố, dặn dò: - Gv củng cố lại nội dung bài - Xem trước bài luyện tập - Nhận xét lớp</p>	<p>Tính nhẩm: $60 + 20 = 80$, $80 - 20 = 60$, $40 + 50 = 90$ $70 + 10 = 80$, $90 - 10 = 80$, $90 - 40 = 50$ $50 + 30 = 80$, $70 - 50 = 20$, $90 - 50 = 40$</p> <p>* Tính: - Tính từ trái sang phải: $15 + 2 + 1 = 18$ $68 - 1 - 1 = 66$ $34 + 1 + 1 = 36$ $84 - 2 - 2 = 80$ $77 - 7 - 0 = 70$ $99 - 1 - 1 = 97$</p> <p>Đặt tính rồi tính: - HS làm và chữa bài trên bảng lớp. - Các số cùng hàng được đặt thẳng cột với nhau, thực hiện từ phải sang trái</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="text-align: center;">63</td> <td style="text-align: center;">94</td> <td style="text-align: center;">87</td> <td style="text-align: center;">62</td> <td style="text-align: center;">31</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">+</td> <td style="text-align: center;">-</td> <td style="text-align: center;">-</td> <td style="text-align: center;">-</td> <td style="text-align: center;">+</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">25</td> <td style="text-align: center;">34</td> <td style="text-align: center;">14</td> <td style="text-align: center;">62</td> <td style="text-align: center;">56</td> </tr> <tr> <td style="border-top: 1px solid black; text-align: center;">88</td> <td style="border-top: 1px solid black; text-align: center;">60</td> <td style="border-top: 1px solid black; text-align: center;">73</td> <td style="border-top: 1px solid black; text-align: center;">0</td> <td style="border-top: 1px solid black; text-align: center;">87</td> </tr> </table> <p>- Học sinh tự giải và chữa bài trên bảng lớp.</p> <p>Bài giải: Sợi dây còn lại số cm là: $72 - 30 = 42$ (cm) Đáp số : 42cm</p> <p>- Học sinh nhóm này quay kim ngắn chỉ giờ đúng, nhóm khác trả lời và ngược lại - Tương tự với số giờ đúng ở các đồng hồ khác.</p>	63	94	87	62	31	+	-	-	-	+	25	34	14	62	56	88	60	73	0	87
63	94	87	62	31																	
+	-	-	-	+																	
25	34	14	62	56																	
88	60	73	0	87																	

V. ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY

Tiết 2: Thủ công

(Giáo viên chuyên soạn)

Tiết 3+4: Tiếng việt:

(Đ/c Chinh soạn giảng)

Thứ năm ngày 02 tháng 05 năm 20...

Tiết 1: Thể dục

(Giáo viên chuyên soạn)

Tiết 2+3: Tiếng việt:

LUẬT CHÍN TẢ THEO NGHĨA
(Thiết kế Tiếng Việt 1 - Tài liệu thí điểm)

Tiết 4: Toán (T135)

ÔN TẬP: CÁC SỐ ĐẾN 100

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được thứ tự các số từ 0 đến 100; thực hiện được cộng, trừ các số trong phạm vi 100 (không nhớ); giải được bài toán có lời văn.

2. Kỹ năng:

- Đo được độ dài đoạn thẳng.

3. Giáo dục:

- Giáo dục hs tính cẩn thận, chính xác trong học toán

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bảng phụ

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở viết, bộ đồ dùng học toán

III. DỰ KIẾN HÌNH THỨC DẠY HỌC:

- Cá nhân, nhóm, lớp

iv. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. ổn định lớp:	

<p>B. Bài cũ.</p> <p>- Gọi học sinh chữa bài tập số 4 trên bảng lớp</p> <p>- GV nhận xét – ghi điểm</p> <p>C. Bài mới.</p> <p>1. Giới thiệu bài:</p> <p>- Giới thiệu bài trực tiếp</p> <p>2. Luyện tập:</p> <p>Bài 1:</p> <p>- Học sinh nêu yêu cầu của bài. - GV tổ chức cho các em làm bài rồi chữa bài trên bảng lớp. - Đối với HS giỏi giáo viên cho các em nhận xét từ cột thứ 2 tính từ trên xuống dưới, mỗi số đều bằng số liền trước cộng với 10.</p> <p>Bài 2:</p> <p>- Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Cho HS thực hành ở VBT và chữa bài trên bảng lớp.</p> <p>Bài 3:</p> <p>- Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Cho học sinh làm bảng con tung phép tính.</p> <p>Bài 4:</p> <p>- Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Cho học đọc đề toán, nêu tóm tắt và giải trên bảng lớp.</p> <p>Bài 5:</p>	<p>- Hoạt động cá nhân</p> <p>Bài giải:</p> <p>Sợi dây còn lại có độ dài là: $72 - 30 = 42$ (cm) Đáp số : 42 cm</p> <p>* Viết số thích hợp vào ô trống:</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr> <tr><td>11</td><td>12</td><td>13</td><td>14</td><td>15</td><td>16</td><td>17</td><td>18</td><td>19</td><td>20</td></tr> <tr><td>21</td><td>22</td><td>23</td><td>24</td><td>25</td><td>26</td><td>27</td><td>28</td><td>29</td><td>30</td></tr> <tr><td>31</td><td>32</td><td>33</td><td>34</td><td>35</td><td>36</td><td>37</td><td>38</td><td>39</td><td>40</td></tr> <tr><td>41</td><td>42</td><td>43</td><td>44</td><td>45</td><td>46</td><td>47</td><td>48</td><td>49</td><td>50</td></tr> <tr><td>51</td><td>52</td><td>53</td><td>54</td><td>55</td><td>56</td><td>57</td><td>58</td><td>59</td><td>60</td></tr> <tr><td>61</td><td>62</td><td>63</td><td>64</td><td>65</td><td>66</td><td>67</td><td>68</td><td>69</td><td>70</td></tr> <tr><td>71</td><td>72</td><td>73</td><td>74</td><td>75</td><td>76</td><td>77</td><td>78</td><td>79</td><td>80</td></tr> <tr><td>81</td><td>82</td><td>83</td><td>84</td><td>85</td><td>86</td><td>87</td><td>88</td><td>89</td><td>90</td></tr> <tr><td>91</td><td>92</td><td>93</td><td>94</td><td>95</td><td>96</td><td>97</td><td>98</td><td>99</td><td>100</td></tr> </table> <p>* Viết số thích hợp vào ô trống:</p> <p>- Học sinh thực hiện và chữa bài trên lớp.</p> <p>a) 82, 83, 84, ..., 90 b) 45, 44, 43, ..., 37 c) 20, 30, 40, ..., 100</p> <p>* Tính:</p> <p>$22 + 36 = 58$, $96 - 32 = 64$, $62 - 30 = 32$ $89 - 47 = 42$, $44 + 44 = 88$, $45 - 5 = 40$ $32 + 3 - 2 = 33$, $56 - 20 - 4 = 32$, $23 + 14 - 15 = 22$</p> <p>- HS tóm tắt rồi ự giải</p> <p>Bài giải:</p> <p>Mẹ nuôi số con gà là: $36 - 12 = 24$ (con) Đáp số : 24 con</p>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																																																																																												
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20																																																																																												
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30																																																																																												
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40																																																																																												
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50																																																																																												
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60																																																																																												
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70																																																																																												
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80																																																																																												
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90																																																																																												
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100																																																																																												

<ul style="list-style-type: none">- Học sinh nêu yêu cầu của bài:- Học sinh thực hiện đo ở SGK và ghi số đo được vào bảng con. Gọi nêu cách đo độ dài. <p>D. Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV củng cố lại nội dung bài- Xem trước bài luyện tập- Nhận xét lớp	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh thực hiện đo đoạn thẳng AB ở SGK và ghi số đo được vào bảng con.- Đoạn thẳng AB dài: 12cm.
--	--

V. ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 03 tháng 05 năm 20...

Tiết 1: Âm nhạc

(Giáo viên chuyên soạn)

Tiết 2+3: Tiếng Việt

(Đ/c Chinh soạn giảng)

Tiết 4: Toán (T136)

LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đọc, viết, so sánh được các số trong phạm vi 100; biết cộng, trừ các số có hai chữ số.

2. Kỹ năng:

- Biết đo độ dài đoạn thẳng, giải được bài toán có lời văn.

3. Giáo dục:

- Giáo dục hs tính cẩn thận, chính xác trong học toán

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bảng phụ

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Sgk, vở viết, bộ đồ dùng học toán

III. DỰ KIẾN HÌNH THỨC DẠY HỌC:

- Cá nhân, nhóm, lớp

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																									
<p>A. Ôn định lớp: B. Bài cũ. - Gọi học sinh chữa bài tập số 4 trên bảng lớp - GV nhận xét ghi điểm C. Bài mới. 1. Giới thiệu bài: - Giới thiệu bài trực tiếp 2. Luyện tập. Bài 1: - HS nêu yêu cầu của bài rồi thực hành ở bảng con theo giáo viên đọc. - Gọi HS đọc lại các số vừa được viết</p> <p>Bài 2: - Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Cho HS tính nhẩm và nêu kết quả.</p> <p>Bài 3: - Học sinh nêu yêu cầu của bài: - GV thiết kế trên hai bảng phụ. Tổ chức cho hai nhóm thi đua tiếp sức, mỗi nhóm 3 em, mỗi em chỉ điền một dấu thích hợp.</p> <p>Bài 4: - Học sinh nêu yêu cầu của bài: - Cho HS đọc đề toán, tóm tắt và giải.</p>	<p>- HS hoạt động cá nhân Bài giải: Số con gà là: $36 - 12 = 24$ (con) Đáp số : 24 con gà</p> <p>* Viết số: - Năm (5), mười chín (19), bảy mươi tư (74), chín (9), ba mươi tám (38), sáu mươi tám (68), không (0), bốn mươi một (41), năm mươi lăm (55)</p> <p>* Tính: Đọc lại các số vừa viết được. Học sinh tính nhẩm và nêu kết quả. $4 + 2 = 6, \quad 10 - 6 = 4, \quad 3 + 4 = 7$ $8 - 5 = 3, \quad 19 + 0 = 19, \quad 2 + 8 = 10$ $3 + 6 = 9, \quad 17 - 6 = 11, \quad 10 - 7 = 3$</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;">51</td> <td style="text-align: center;">62</td> <td style="text-align: center;">47</td> <td style="text-align: center;">96</td> <td style="text-align: center;">34</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">+</td> <td style="text-align: center;">-</td> <td style="text-align: center;">+</td> <td style="text-align: center;">-</td> <td style="text-align: center;">+</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">38</td> <td style="text-align: center;">12</td> <td style="text-align: center;">30</td> <td style="text-align: center;">24</td> <td style="text-align: center;">34</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">-----</td> <td style="text-align: center;">-----</td> <td style="text-align: center;">-----</td> <td style="text-align: center;">-----</td> <td style="text-align: center;">-----</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">89</td> <td style="text-align: center;">50</td> <td style="text-align: center;">77</td> <td style="text-align: center;">72</td> <td style="text-align: center;">68</td> </tr> </table> <p>* Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm: - HS thực hiện trên bảng từ. - Các HS khác cổ vũ động viên các bạn.</p> <p>$35 < 42, \quad 90 < 100, \quad 38 = 30 + 8$ $87 > 85, \quad 69 > 60, \quad 46 > 40 + 5$ $63 > 36, \quad 50 = 50, \quad 94 < 90 + 5$</p> <p>Tóm tắt: Có : 75 cm Cắt bỏ : 25 cm Còn lại : ... cm?</p>	51	62	47	96	34	+	-	+	-	+	38	12	30	24	34	-----	-----	-----	-----	-----	89	50	77	72	68
51	62	47	96	34																						
+	-	+	-	+																						
38	12	30	24	34																						
-----	-----	-----	-----	-----																						
89	50	77	72	68																						

<p style="text-align: center;">Bài 5:</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh nêu yêu cầu của bài:- Cho HS đo độ dài từng đoạn thẳng rồi viết số đo vào chỗ chấm. <p>D.Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- Dặn dò hs về học bài và làm bài- Xem trước bài luyện tập- Nhận xét lớp	<p style="text-align: center;">Bài giải:</p> <p>Băng giấy còn lại có độ dài là: $75 - 25 = 50$ (cm) Đáp số : 50cm</p> <p>* Đo rồi ghi số đo độ dài từng đoạn thẳng</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh đo đoạn thẳng a, b trong SGK rồi ghi số đo vào dưới đoạn thẳng:- Đoạn thẳng a dài: 5cm- Đoạn thẳng b dài: 7cm
--	--

V. ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

.....

.....